

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÁC MÔN THỂ THAO TRỌNG ĐIỂM HƯỚNG TỚI ASIAD VÀ OLYMPIC GIAI ĐOẠN 2026–2045

Phạm Đức Hà⁽¹⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 28/05/2026

Ngày phản biện: 20/06/2026

Ngày đăng: 31/08/2026

Tác giả liên hệ:

Phạm Đức Hà

Email: haphamductb@gmail.com

Tập 16, số 4 (2026), trang 76-79

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14250>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Article Information:

Received: 28/05/2026

Review date: 20/06/2026

Published: 31/08/2026

Corresponding Author:

Pham Duc Ha

Email: haphamductb@gmail.com

Vol 16, Issue 4 (2026), pp 76-79

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14250>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Trong những năm qua, thể thao Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận tại khu vực Đông Nam Á, đồng thời có những dấu ấn nhất định tại đấu trường châu Á và thế giới. Tuy nhiên, thành tích tại ASIAD và Olympic vẫn chưa thực sự ổn định. Số lượng vận động viên (VĐV) đủ khả năng cạnh tranh huy chương còn hạn chế; lực lượng kế cận ở một số môn chưa bảo đảm tính liên tục; khoảng cách giữa thành tích tại SEA Games với yêu cầu cạnh tranh ở trình độ châu lục và thế giới vẫn còn tương đối lớn. Trước thực tiễn đó, Quyết định số 816/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình “Phát triển các môn thể thao trọng điểm chuẩn bị tham dự các kỳ ASIAD, Olympic giai đoạn 2026–2045” của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 7/5/2026 có ý nghĩa quan trọng, góp phần định hướng hành động cụ thể.

1. Quan điểm và mục tiêu của Chương trình

Chương trình “Phát triển các môn thể thao trọng điểm chuẩn bị tham dự các kỳ ASIAD, Olympic giai đoạn 2026-2045” là bước cụ thể hóa Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới [1], đồng thời triển khai Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [2] và Kế hoạch triển khai

thực hiện Chiến lược [3]. Chương trình đã xác định cụ thể từ công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện và bảo đảm các điều kiện để VĐV Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh tại ASIAD và Olympic trong gần hai thập niên tới.

Chương trình lựa chọn 9 môn thể thao trọng điểm gồm: Bắn súng, Bắn cung, Cử tạ, Xe đạp, Đua thuyền, Điền kinh, Bơi, Karate và Cầu mây. Việc lựa chọn dựa trên yêu cầu phát huy đặc điểm thể chất, thể mạnh của con người Việt Nam, phù hợp với điều kiện trong nước và bám sát xu thế phát triển của thể thao thế giới. Đây là định hướng chuyển mạnh từ đầu tư dàn trải sang tập trung nguồn lực cho các môn, nội dung và VĐV có tiềm năng cạnh tranh huy chương. Đồng thời, Chương trình vẫn duy trì cơ chế rà soát, sàng lọc và bổ sung các VĐV, nội dung thi đấu tiềm năng thuộc những môn khác, qua đó bảo đảm tính mở và khả năng thích ứng trước sự thay đổi của chương trình thi đấu quốc tế [4].

Với quan điểm xuyên suốt là bảo đảm tính kế thừa, ổn định và phát triển bền vững lực lượng VĐV, công tác tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng được thực hiện liên tục, có lộ trình dài hạn, gắn với mục tiêu của từng giai đoạn và từng kỳ đại hội. Cùng với huấn luyện chuyên môn, Chương trình yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng khoa

⁽¹⁾CN, Trường Đại học Y Dược Thái Bình

học thể thao, công nghệ số và trang thiết bị huấn luyện chuyên sâu; kết hợp đồng bộ y học, tâm lý, dinh dưỡng, phục hồi thể lực và chính sách đãi ngộ đặc thù. Ngân sách nhà nước giữ vai trò quan trọng, đồng thời nguồn lực xã hội hóa được huy động và từng bước gia tăng. Hệ thống phát triển tài năng phải được xây dựng từ cơ sở đến đỉnh cao, kết nối đào tạo trong nước với tập huấn, thi đấu quốc tế [4].

Mục tiêu tổng quát của Chương trình là xây dựng lực lượng VĐV xuất sắc ở các môn trọng điểm, có trình độ chuyên môn, thể lực và bản lĩnh thi đấu, đủ năng lực cạnh tranh huy chương tại ASIAD và Olympic; trước mắt cải thiện thành tích trong giai đoạn 2026–2030, đồng thời hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện bảo đảm cho huấn luyện. Mục tiêu này cho thấy thành tích thi đấu được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với năng lực của toàn hệ thống, thay vì chỉ tập trung vào kết quả của một vài cá nhân ở một thời điểm.

Ở giai đoạn 2026–2030, thể thao Việt Nam phấn đấu duy trì thành tích trong топ 20 tại ASIAD; giành 5 huy chương vàng (HCV) tại ASIAD 2026 và 6 HCV tại ASIAD 2030 trong nhóm môn trọng điểm; phấn đấu giành huy chương tại Olympic 2028. Bên cạnh việc duy trì ổn định các môn được đầu tư, Chương trình đặt mục tiêu rà soát, bổ sung khoảng 35–40 VĐV, nội dung thi đấu có tiềm năng.

Đối với giai đoạn 2031–2035, tiếp tục mục tiêu giữ vị trí trong топ 20 tại ASIAD, giành 7 HCV tại ASIAD 2034 và phấn đấu giành HCB tại Olympic 2032 trong nhóm môn trọng điểm. Đến giai đoạn này, hệ thống rà soát, phát hiện, tuyển chọn, đầu tư, đào tạo và phát triển VĐV phải được hình thành đồng bộ; khoảng 75–80 VĐV, nội dung thi đấu tiềm năng thuộc các môn khác được tiếp tục bổ sung.

Giai đoạn 2036–2045, Chương trình hướng tới vị trí trong топ 15 tại ASIAD và топ 50 tại Olympic; phấn đấu có kỳ ASIAD giành 10 HCV và có kỳ Olympic giành nhiều hơn một HCV. Cùng với việc hoàn thiện, vận hành hiệu quả hệ thống phát triển môn trọng điểm, Việt Nam đặt mục tiêu phấn đấu đăng cai ASIAD năm 2038 [4]. Việc xác định các mốc cụ thể theo ba giai đoạn giúp cơ quan quản lý chuyển mục tiêu dài

hạn thành kế hoạch chu kỳ, đồng thời tạo căn cứ kiểm tra, điều chỉnh nguồn lực và trách nhiệm thực hiện.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Để hiện thực hóa mục tiêu, Chương trình xác định hệ thống nhiệm vụ, giải pháp tương đối toàn diện, bao quát từ tuyển chọn VĐV, đổi mới huấn luyện, ứng dụng khoa học công nghệ đến hoàn thiện chính sách, huy động nguồn lực và tăng cường phối hợp liên ngành.

Trước hết, công tác tuyển chọn, đào tạo và huấn luyện được đổi mới theo hướng khoa học, chuyên biệt và cá nhân hóa. Từ năm 2026, các đơn vị phải rà soát, lựa chọn VĐV có tiềm năng và thành tích nổi bật, đáp ứng yêu cầu về thể lực, tố chất chuyên môn, tâm lý thi đấu và khả năng tiến bộ vượt bậc trong 3–5 năm; thực hiện sàng lọc liên tục, kiên quyết đưa ra khỏi diện đầu tư những trường hợp không đáp ứng yêu cầu; ưu tiên các nội dung, hạng cân và cự ly có khả năng giành huy chương. Chương trình khuyến khích áp dụng những mô hình tiên tiến như trại huấn luyện tinh hoa, huấn luyện phân kỳ và đào tạo cá nhân hóa; kết hợp huấn luyện trong nước với tập huấn dài hạn tại các quốc gia có thể mạnh [4].

Đội ngũ hỗ trợ đa ngành gồm chuyên gia y sinh học, tâm lý thể thao, phân tích dữ liệu và dinh dưỡng được bổ sung vào hệ thống huấn luyện. Huấn luyện viên trong nước được tạo điều kiện tham gia các khóa học quốc tế, hướng tới đạt chứng chỉ quốc tế; chuyên gia nước ngoài phải vừa trực tiếp huấn luyện, vừa chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm cho đội ngũ Việt Nam. Cách tiếp cận này góp phần hình thành năng lực nội sinh, hạn chế phụ thuộc vào chuyên gia và tạo ra môi trường huấn luyện chuyên nghiệp, liên ngành.

Khoa học công nghệ và y học thể thao được coi là một trong những trụ cột nâng cao hiệu suất. Chương trình định hướng triển khai phân tích kỹ thuật số, cảm biến chuyển động, định vị GPS, tầm đo lực, ghi hình chuyển động ba chiều; kiểm tra VO2max và ngưỡng lactate để xây dựng giáo án cá thể hóa. Hồ sơ năng lực VĐV, mô phỏng chiến thuật, dự báo thành tích và điều chỉnh giáo án theo thời gian thực được phát triển trên cơ sở dữ liệu. Các công nghệ



Bắn súng, Bắn cung, Cử tạ, Xe đạp, Đua thuyền, Điền kinh, Bơi, Karate và Cầu mây là những môn thể thao trọng điểm trong chương trình

phân tích video, phản hồi sinh học và thực tế ảo được sử dụng để hoàn thiện kỹ–chiến thuật, kiểm soát tâm lý và rèn luyện bản lĩnh thi đấu trong môi trường mô phỏng áp lực ASIAD, Olympic [4].

Ở lĩnh vực phục hồi, dinh dưỡng và y học thể thao, Chương trình yêu cầu áp dụng các phương pháp, thiết bị hiện đại; khám tầm soát chấn thương định kỳ; xây dựng phác đồ hồi phục phù hợp với đặc thù từng môn; đào tạo bác sĩ, kỹ thuật viên và tăng cường hợp tác chuyển giao công nghệ. Đặc biệt, hệ thống quản lý VĐV và hồ sơ điện tử tích hợp dữ liệu thành tích, sức khỏe, chấn thương, dinh dưỡng được xây dựng để quản lý toàn diện, phân tích nguy cơ và theo dõi tiến bộ. Khi được chuẩn hóa và sử dụng đúng mục đích, dữ liệu sẽ giúp chuyển quản lý huấn luyện từ dựa chủ yếu vào kinh nghiệm sang dựa trên bằng chứng.

Cùng với chuyên môn, Chương trình đặt ra yêu cầu rà soát, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù đối với VĐV, huấn luyện

viên và chuyên gia. Trọng tâm là thu hút, giữ chân nhân lực giỏi; tạo điều kiện làm việc, tập luyện chuyên nghiệp và ổn định lâu dài; hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa bộ, ngành, địa phương, liên đoàn, hiệp hội và các tổ chức xã hội trong phát hiện, đào tạo, đãi ngộ và bảo đảm quyền lợi chính đáng cho lực lượng thể thao thành tích cao. Bộ Y tế được giao phối hợp xây dựng hướng dẫn chuyên môn, cơ chế bảo hiểm y tế đặc thù, nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị và phục hồi chấn thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo gắn đổi mới giáo dục thể chất, thể thao trường học với phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, hình thành chuỗi chuyển tiếp từ trường học lên tuyển năng khiếu, đội tuyển trẻ và đội tuyển quốc gia [4].

Nguồn lực thực hiện được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn của các bộ, ngành và địa phương; đồng thời lồng ghép với các chương trình, đề án liên quan và huy động các nguồn lực hợp pháp khác. Việc phân bổ phải theo hướng

tập trung, có trọng tâm, ưu tiên các môn hướng tới ASIAD và Olympic, bảo đảm tính ổn định cho đào tạo VĐV tài năng và hiện đại hóa các trung tâm huấn luyện. Kinh phí phải được quản lý đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai và minh bạch [4]. Đây là điều kiện quan trọng để khắc phục tình trạng đầu tư ngắn hạn hoặc phân tán, nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về trách nhiệm giải trình và đánh giá hiệu quả.

Bên cạnh đó, Chương trình chú trọng truyền thông nâng cao nhận thức; mở rộng hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ có thể mạnh; trao đổi huấn luyện viên, VĐV với những cơ sở uy tín trên thế giới; kịp thời khen thưởng các sáng kiến, cách làm đột phá. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xây dựng nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật, cơ sở vật chất và trang thiết bị riêng cho từng môn, bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế và lựa chọn đúng những nội dung có khả năng cạnh tranh thành tích cao nhất.

Như vậy, Quyết định số 816/QĐ-TTg trước hết tạo ra một tầm nhìn xuyên suốt đến năm 2045 cho thể thao thành tích cao. Chu kỳ phát triển một tài năng đỉnh cao thường kéo dài nhiều năm và chịu tác động của tuyển chọn, huấn luyện, thi đấu, y học, tâm lý, dinh dưỡng, giáo dục và chính sách nghề nghiệp. Vì vậy, một chương trình kéo dài qua nhiều kỳ ASIAD, Olympic giúp giảm tính thời vụ trong chuẩn bị lực lượng, tạo điều kiện xây dựng các thể hệ VĐV kế tiếp và duy trì sự ổn định của những môn có tiềm năng. Bên cạnh đó, Chương trình đã xác định rõ nguyên tắc đầu tư có trọng tâm nhưng không khép kín. Danh mục 9 môn tạo cơ sở tập trung nguồn lực, trong khi cơ chế bổ sung VĐV và nội dung tiềm năng giúp hệ thống thích ứng với sự thay đổi của luật thi đấu, chương trình đại hội và tương quan lực lượng quốc tế. Giá trị cốt lõi không chỉ nằm ở việc lựa chọn môn, mà còn ở yêu cầu đầu tư đến đúng nội dung, cự ly, hạng cân và đúng VĐV có khả năng thu hẹp khoảng cách với chuẩn huy chương.

Chương trình cũng thúc đẩy chuyển đổi mô hình quản lý và huấn luyện theo hướng hiện đại. Việc tích hợp dữ liệu, khoa học công nghệ, y học, tâm lý và dinh dưỡng vào quy trình huấn luyện có thể nâng cao chất lượng quyết định

chuyên môn, kiểm soát tải lượng, hạn chế chấn thương và tối ưu trạng thái thi đấu. Hệ thống hồ sơ điện tử xuyên suốt cũng tạo cơ sở để đánh giá tốc độ tiến bộ, hiệu quả đầu tư và chất lượng chuyển giao VĐV giữa địa phương, ngành và đội tuyển quốc gia.

Có thể khẳng định, Quyết định số 816/QĐ-TTg là dấu mốc quan trọng trong đổi mới chính sách phát triển thể thao thành tích cao Việt Nam. Chương trình thể hiện sự chuyển dịch từ chuẩn bị ngắn hạn sang phát triển theo chu kỳ dài hạn; từ đầu tư tương đối dàn trải sang đầu tư trọng điểm; từ huấn luyện dựa chủ yếu vào kinh nghiệm sang quản trị hiệu suất dựa trên khoa học, công nghệ, y học và dữ liệu. Nếu được cụ thể hóa bằng kế hoạch riêng cho từng môn, từng nội dung và từng VĐV, đồng thời được bảo đảm bằng nguồn lực ổn định, đội ngũ chất lượng và cơ chế phối hợp hiệu quả, Chương trình sẽ tạo nền tảng để thể thao Việt Nam từng bước thu hẹp khoảng cách với trình độ châu lục, thế giới và nâng cao năng lực cạnh tranh tại ASIAD, Olympic trong những thập niên tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị. (2024). *Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới*.
2. Thủ tướng Chính phủ. (2024). *Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
3. Thủ tướng Chính phủ. (2024). *Quyết định số 1680/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới*.
4. Thủ tướng Chính phủ. (2026). *Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/5/2026 phê duyệt Chương trình “Phát triển các môn thể thao trọng điểm chuẩn bị tham dự các kỳ ASIAD, Olympic giai đoạn 2026–2045”*.